TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA RÌ
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/DS-ST
Ngày: 06/8/2019
V/v:" Thanh toán tiền hợp đồng khoan giếng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Xuân Thắng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hoàng Thị Tháo
2. Ông Nông Văn Phong

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Tạ Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn *tham gia phiên toà*: Ông Nông Thiêm Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2019, về tranh chấp trả tiền hợp đồng khoan giếng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1970; trú tại: Thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1978; trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 5 năm 2019 và bản tự khai ngày 05/6/2019 cũng như quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hoàng Văn C trình bày:

Trước thời gian anh C thực hiện việc khoan giếng cho anh D (do đã lâu không nhớ ngày, tháng) anh D có gặp anh C đặt vấn đề, anh D có nhu cầu khoan một cái giếng lấy nước sinh hoạt cho gia đình, nên vào ngày 01/02/2018 anh C và anh D đã thống nhất làm hợp đồng khoan giếng cho anh D tại: Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, với nội dung hợp đồng: Anh C khoan giếng cho anh D với phương thức khoán gọn, khi có nước và lắp toàn bộ phụ kiện giếng thì anh D nhận giếng và thanh

toán tiền công khoan giếng, phụ kiện lắp đặt giếng cho anh C với tổng số tiền là: 10.000.000,đ (mười triệu đồng), thanh toán tiền mặt và thanh toán 01 lần. Nhưng từ tháng 02/2018 anh C đã khoan giếng xong cho anh D, thời hạn bảo hành đã hết một năm theo hợp đồng, giếng khoan đảm bảo có nước bơm không cạn, nhưng đến nay anh D không thực hiện việc thanh toán tiền theo hợp đồng đã ký. Anh C đã nhiều lần gặp và gọi điện đề nghị anh D thanh toán tiền khoan giếng nhưng anh D đều lảng tránh không chịu thanh toán tiền, anh D đưa ra lý do giếng nông, chất lượng nước không đảm bảo, điều này không có trong hợp đồng hai bên đã ký kết. Nay anh C yêu cầu anh D phải thanh toán số tiền 10.000.000,đ (mười triệu đồng) theo hợp đồng khoan giếng ngày 01/02/2018 cho anh C.

Tại bản tự khai ngày 05/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Hoàng Văn D trình bày:

Thực tế anh D có được ký kết hợp đồng khoan giếng với anh C về việc khoan giếng cho gia đình anh D tại: Thôn C, xã Đ, huyện N vào ngày 01/02/2018 là có thật. Tuy nhiên, từ khi khoan xong, do giếng nước không đảm bảo về độ sâu và chất lượng nước cũng như vật tư, việc khoan giếng của anh C chỉ diễn ra trong 3 ngày, và chỉ đóng xuống tám tầm (cây) ống nước, nên anh D đã yêu cầu anh C khoan lại, nhưng anh C không thực hiện và cũng không đến đòi tiền. Nay anh C làm đơn khởi kiện anh D ra Tòa, do vậy anh D không chấp nhận thanh toán khoản tiền 10.000.000,đ theo hợp đồng đã ký với anh C. Nếu anh C khoan lại giếng đảm bảo nước hợp vệ sinh thì chấp nhận trả tiền 10.000.000,đ theo yêu cầu của anh C. Nếu anh C không khoan lại, thì anh D trả lại toàn bộ số vật tư đã lắp đặt của giếng đã khoan cho anh C, yêu cầu anh C tự đến tháo dỡ lấy toàn bộ vật tư, thiết bị đã lắp vào giếng đem về.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc, đề nghị Tòa án buộc anh D phải thanh toán số tiền 10.000.000,đ (mười triệu đồng) cho anh C theo Hợp đồng khoan giếng mà hai bên đã ký kết, do anh C đã thực hiện xong.

- Bị đơn: Không chấp nhận thanh toán số tiền 10.000.000,đ theo hợp đồng khoan giếng cho anh C với lý do: Anh C phải khoan lại cái giếng khác cho anh D đúng yêu cầu, nước phải đảm bảo hợp vệ sinh dùng trong sinh hoạt, thì mới chấp nhận thanh thoán số tiền: 10.000.000,đ theo hợp đồng khoan giếng cho anh C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình tố tụng, xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh Hoàng Văn D phải thanh toán tiền hợp đồng khoan giếng cho anh Hoàng Văn C số tiền 10.000.000,đ, do anh C đã thực hiện theo đúng Hợp đồng đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn anh Hoàng Văn C có đơn khởi kiện, yêu cầu anh Hoàng Văn D; trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn phải thanh toán tiền theo hợp đồng khoan giếng mà hai bên đã ký kết, do vậy đây là vụ án tranh chấp về thanh toán tiền hợp đồng khoan giếng, căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung để giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật có tranh chấp, phát sinh từ Hợp đồng dịch vụ (Hợp đồng khoan giếng) do vậy, luật nội dung áp dụng để giải quyết là các quy định của Bộ luật dân sự về quyền, nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ và bên sử dụng dịch vụ quy định tại Điều 513 "Hợp đồng dịch vụ". Đồng thời, do đặc điểm của việc tranh chấp chỉ xảy ra trong giai đoạn trả tiền dịch vụ, nên áp dụng Điều 519 của Mục 9, Phần thứ ba: Nghĩa vụ và Hợp đồng trong Chương XV của Bộ luật dân sự.

[3] Về đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở lời trình bày, tranh luận của các đương sự tại phiên tòa thấy rằng: Ngày 01/02/2018, anh Hoàng Văn C và anh Hoàng Văn D có làm hợp đồng khoan giếng, nội dung hợp đồng hai bên thỏa thuận: Anh C khoan 01 cái giếng cho gia đình anh D tại: Thôn C, xã Đ, huyện N, giá trị hợp đồng là: 10.000.000,đ, phương thức thanh toán bằng tiền mặt. Anh C có trách nhiệm khoan giếng, lắp đặt đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo có nước. Anh D có trách nhiệm thanh toán số tiền 10.000.000,đ cho anh C sau khi anh C khoan xong giếng và bơm 24/24. Thời gian bảo hành giếng khoan là 01 năm, không bảo hành máy bơm.

Hội đồng xét xử thấy rằng, hợp đồng khoan giếng giữa anh C với anh D là hợp pháp, sau khi ký kết hợp đồng, anh C đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trong hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận như: Khoan và lắp đặt các thiết bị, vật tư đảm bảo vận hành; thời gian bảo hành đã hết, anh D đã nhận giếng nước và đã sử dụng giếng khoan để phục vụ nhu cầu sinh hoạt trong gia đình được hơn 01 năm qua. Tuy nhiên sau khi thực hiện xong việc khoan giếng theo hợp đồng, anh C và anh D không làm biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, việc xảy ra tranh chấp sau khi hết hạn thời gian bảo hành ghi trong Hợp đồng. Do đó, để có căn cứ giải quyết vụ án, ngày 04/7/2019, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của Nguyên đơn. Qua xem xét, thẩm định tại chỗ cho thấy:" Giếng khoan được lắp đặt tại vị trí phía trước nhà anh D, hàng ngày anh D bơm nước lên téc để sử dụng cho nhu cầu sinh hoạt của gia đình, anh D đã sử dụng giếng khoan được hơn 01 năm và chỉ sử dụng duy nhất nguồn nước từ giếng khoan này".

Kể từ khi khoan xong giếng (tháng 2 năm 2018), anh D cắm điện bơm nước một ngày và từ đó cho đến nay, hàng ngày vẫn bơm nước lên để sử dụng chưa thấy có hiện tượng giếng cạn nước. Anh D lấy lý do chất lượng nước giếng khoan không

đảm bảo, nước đục và độ sâu của giếng không đảm bảo để không thanh toán tiền khoan giếng cho anh C. Tuy nhiên, Tòa án không tiến hành xem xét, thẩm định chất lượng nước và độ sâu của giếng, vì nội dung đó không được các bên ghi trong nội dung của hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Mặt khác, Tòa án cũng không có chức năng, thẩm quyền giám định nguồn nước có đảm bảo cho vệ sinh trong sinh hoạt hàng ngày thay không? về độ sâu của giếng, anh D cho rằng giếng khoan không đủ độ sâu là một trong những nguyên nhân không thanh toán tiền. Tuy nhiên, Hợp đồng khoan giếng giữa anh C và anh D không đề cập đến nội dung độ sâu của giếng trong Hợp đồng, nhưng anh D xác nhận giếng đã khoan, anh C đóng 08 tầm ống nước. Ngoài ra, anh D cũng xác nhận, sau khi khoan giếng xong, anh D cắm điện bơm nước một ngày và từ đó cho đến nay, hàng ngày vẫn bơm nước lên để sử dụng chưa thấy có hiện tượng giếng cạn, anh D cũng xác nhận nguồn nước từ giếng khoan là nguồn nước duy nhất dùng cho sinh hoạt gia đình. Tuy nhiên, phải bơm lên cho nước lắng trong mới sử dụng được.

Do vậy, căn cứ các Điều 513, 515, 518, 519 của Bộ luật Dân sự, HĐXX có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C, buộc anh Hoàng Văn D phải có trách nhiệm trả tiền hợp đồng khoan giếng cho anh C là: 10.000.000,đ (mười triệu đồng) theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

[5] Về án phí: Anh Hoàng Văn D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 513, 515, 518, 519 của Bộ luật dân sự, tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Hoàng Văn C về việc "Yêu cầu trả tiền hợp đồng khoan giếng" đối với anh Hoàng Văn D.

Buộc anh Hoàng Văn D phải có trách nhiệm trả số tiền 10.000.000,đ (mười triệu đồng) theo hợp đồng khoan giếng cho anh Hoàng Văn C.

Việc thi hành án được thực hiện theo Điều 357 của Bộ luật dân sự và Luật thi hành án dân sự.

* Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, buộc anh Hoàng Văn D phải chịu 500.000,đ (năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Hoàng Văn C 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06738, ngày 05/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

" Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự (02b);
- VKSND huyện (02b);
- TAND tỉnh (01b);
- THA dân sự huyện (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu TA (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Xuân Thắng